

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST
Ngày 24-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tâm.

Ông Hoàng Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 82/2022/TLST-HS ngày 02/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HS ngày 12/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn P, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 16 tháng 9 năm 197x tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 3/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn Ph (đã chết) và bà Nông Thị V; Vợ: Đàm Thị Y; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 199x; con nhỏ sinh năm 200x. Tiền án, tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 02/10/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội cướp tài sản công dân. Ngày 15/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền 10.000.000đ về tội đánh bạc.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 07/12/2021 đến nay. Có mặt.

2. Đoàn Văn M, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 05 tháng 11 năm 199x tại xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ĐKHKTT: Xóm P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Từ tháng 4 năm 2021 đến ngày 07/12/2021 sinh sống tại nhà Nông Văn P ở xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Q và bà Trần Thị L; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 07/12/2021 đến nay. Có mặt.

3. Nông Văn N, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 14 tháng 4 năm 199x tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn P và bà Đàm Thị Y; Vợ: Hà Thị Thu H; Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2021 đến ngày 16/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác. Hiện nay đang tại ngoại tại xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người làm chứng:

- Đỗ Văn T, sinh năm 199x. Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Văn P, sinh năm 199x. Nơi cư trú: Xóm B, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Lâm Văn T, sinh năm 198x. Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Văn B, sinh năm 199x. Nơi cư trú: Xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Văn V, sinh năm 197x. Nơi cư trú: Xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Đình C, sinh năm 197x. Nơi cư trú: Xóm T, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả những người làm chứng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 07 tháng 12 năm 2021, tổ công tác Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an thị trấn Trà Lĩnh và Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh làm nhiệm vụ tại xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Khi đến trước cửa nhà Nông Văn P thấy có biểu hiện nghi vấn hoạt động

tội phạm về ma túy, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra tại gian coi nói phía trước nhà thấy Nông Văn P đang ngồi ở trên ghế tại bàn uống nước, ngồi đối diện là Đỗ Văn T, trên nền nhà gần bàn uống nước nơi P và T đang ngồi có 03 gói ni lông màu xanh; Cạnh cửa nhà có 01 gói ni lông màu xanh; Cạnh thùng rác trước cửa nhà có 01 gói ni lông màu đỏ; Trước cửa nhà hướng ra đường có 02 gói giấy bạc màu trắng, 01 gói ni lông màu đỏ. Mở kiểm tra 08 gói trên đều chứa chất bột màu trắng. Kiểm tra phát hiện trên người P có 4.500.000đ. Đồng thời kiểm tra buồng ngủ bên trái ngôi nhà có Đoàn Văn M chống trả tổ công tác nhưng sau đó bị khống chế. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Cùng thời gian này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành khám nghiệm hiện trường và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nông Văn P phát hiện, thu giữ:

Tại giường ngủ ở gian bên phải ngôi nhà có 01 dao lam; 01 chiếc cân điện tử màu trắng - đen, mặt cân có bám dính chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím khói, số IMEI 1: 865545054209695, số IMEI 2: 865545054209687; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI : 353046091084083; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 862903049762810, IMEI 2: 862903049762802; 03 điện thoại đã qua sử dụng; Tại đầu giường ngủ có 04 chiếc bộ đàm màu đen, nhãn hiệu Motorola; 02 thiết bị sạc bộ đàm màu đen, đã qua sử dụng; Phát hiện trên giá nhựa màu đỏ cạnh giường ngủ 01 kéo kim loại màu trắng, phần cán nhựa màu vàng đen; 03 mảnh kim loại vỏ lon nước yến được cắt vuông và chữ nhật; 02 mảnh giấy trắng đã cắt vuông; Tại khe cửa bên phải ngôi nhà có 01 cuộn giấy bạc màu trắng đã qua sử dụng. Phát hiện trên giường ngủ ở giữa ngôi nhà có: 01 chiếc bộ đàm màu đen, nhãn hiệu Motorola đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, bàn phím số, số IMEI 1:355314106472646, IMEI 2: 355314107478642; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu tím màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 358131093736867, số IMEI 2: 35813209376865, 02 điện thoại đã qua sử dụng; 890.000đ (tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại phòng ngủ của M ở bên trái ngôi nhà: Trên giường ngủ có 02 gói ni lông màu xanh, dưới giường ngủ có 02 gói ni lông màu đỏ, mở 04 gói bên trong đều chứa chất bột màu trắng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865925032425185, số IMEI 2: 865925032425193; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 864267041677816, số IMEI 2: 864267041677808; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 256742103134687, số IMEI 2: 356742103134695; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865222047278019, số IMEI 2: 8652220472780001, 04 điện thoại đã qua sử dụng; 02 chiếc bộ đàm màu đen, nhãn hiệu Motorola đã qua sử dụng, kèm 01 thiết bị sạc màu đen; 03 mảnh ni lông màu đỏ; 08 mảnh ni lông màu xanh; 06 mảnh giấy trắng đã được cắt vuông; 02 lọ nhựa tự chế gắn phần ống hút bằng nhựa, đã qua sử dụng; 01 chiếc bật lửa màu đen, được tự chế gắn thêm ống nhỏ bằng kim loại màu bạc, đã qua sử dụng. Quá trình khám nghiệm hiện trường phát hiện, thu giữ: 01 công cụ

khóa số 8, đã qua sử dụng; 01 tấm xốp nhựa màu xanh được chốt bằng ống kim loại, kích thước (0,12 x 0,12) mét và tấm xốp nhựa màu xanh, vỏ bao thuốc lá; 01 chiếc chuông bằng kim loại gắn dây vải sọc đen trắng, đã qua sử dụng; 01 kiềng bằng kim loại, tra cán bằng nhựa, cán được cuốn bằng dây màu đen, phần lưỡi kiềng dài 0,66 mét, rộng 0,03 mét và 01 dao nhọn, lưỡi dao dài 0,24 mét, rộng 0,04 mét được hàn nối liền với ống kim loại dài 1,59 mét, đường kính 2,5 cm, đã qua sử dụng.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ đối với Nông Văn P và Đoàn Văn M. Xác định số vật chứng bắt quả tang 08 (tám) gói có khối lượng 0,92g (không phải chín mươi hai gam); Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét 04 (bốn) gói có khối lượng 0,36g (không phải ba mươi sáu gam).

Tại bản kết luận giám định số 415/GĐMT ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: 02 (hai) mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 phong bì niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Heroine.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành thu giữ vật chứng tại nhà Nông Văn P gồm: 08 (tám) chiếc Camera (04 chiếc màu trắng, 04 chiếc màu đen) có gắn dây kết nối; 01 (một) màn hình màu đen gắn kèm dây kết nối màu xanh đen; 01 (một) bóng điện; 01 (một) chiếc ổ quy màu đen trắng, có chữ “dongnai” màu đỏ; 01 (một) chiếc gương soi khung bằng gỗ, hình chữ nhật, kích thước (0,64 x 0,44) mét. Tất cả các đồ vật tạm giữ trên đều đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn P khai nhận: Sáng ngày 07/12/2021, P và Đỗ Văn T đang ngồi ở bàn uống nước tại gian coi nói thì có lực lượng chức năng đến nhà. Khi thấy lực lượng chức năng, do lo sợ nên P đã ném 08 (tám) gói ma túy ra nền nhà và ngoài đường. Số ma túy kể trên, P mua với Trần Việt H trú tại tổ dân phố x, thị trấn Tr, huyện T. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy là để sử dụng và bán lại kiếm lời. Ma túy được gói và bọc ngoài bằng túi nilông màu xanh - đỏ và gói bằng giấy bạc. Quy ước gói ma túy màu xanh - đỏ bán với giá 200.000đ, gói ma túy được gói bằng giấy bạc với giá 500.000đ. Từ tháng 4/2021, P thường xuyên đi mua ma túy về chia nhỏ để bán cho những người nghiện đến mua ma túy tại nhà P. P đã trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho những người sau: Nông Đình C 01 lần với số tiền 200.000đ, Nông Văn V 01 lần với số tiền 100.000đ tại nhà P. Ngoài ra, còn được bán cho nhiều người khác nhưng không nhớ họ tên, cũng như thời gian. Hình thức giao dịch là những người nghiện trực tiếp đến nhà gặp P mua ma túy.

Từ đầu năm 2021, P cho Đoàn Văn M đến ở tại nhà mình và bố trí cho ngủ tại gian buồng phía trước bên trái ngôi nhà. Từ tháng 7 năm 2021 cho đến ngày bị bắt, mỗi ngày P đưa ma túy cho M bán từ 01 đến 02 lần, mỗi lần từ 15 đến 20 gói. Đổi lại P sẽ cho tiền M mua ma túy đá và tiêu xài cá nhân. Quá trình Mười sinh sống tại nhà mình, P có nhìn thấy M sử dụng ma túy đá ở trong buồng ngủ 03 lần nhưng không có ý kiến.

Đoàn Văn M khai nhận: Đầu năm 2021, M đến ở nhà P và được P đề xuất bán ma túy giúp từ tháng 7 năm 2021 cho đến ngày bị bắt. M được P bố trí cho ở gian buồng bên trái ngôi nhà và trực tiếp bán ma túy ở trong buồng bằng cách đục thông

qua tường 01 ô nhỏ có kích thước (0,15 x 0,11) mét để giao dịch mua bán với những người mua đứng ở phía ngoài. Khi không bán, bị cáo dùng tấm xốp nhựa màu xanh và bao thuốc lá chèn lại. Trung bình mỗi ngày P đưa ma túy cho M bán từ 01 đến 02 lần, mỗi lần từ 15 đến 20 gói, mỗi gói bán với giá từ 200.000đ - 500.000đ. Số tiền bán ma túy có được, M đưa hết cho P, một số thì M giữ lại để mua Camera, bộ đàm, màn hình, ắc quy để phục vụ cho việc mua bán trái phép ma túy. Khi bán hết ma túy, M báo với P bằng bộ đàm để P tiếp tục đưa ma túy vào buồng cho M bán tiếp.

Nông Văn P khai nhận được mua ma túy qua lỗ gạch 04 lần, mỗi lần 200.000đ; Lâm Văn T được mua ma túy qua lỗ gạch nhiều lần, mỗi lần 200.000đ nhưng chỉ nhớ lần gần nhất đầu tháng 12/2021 với giá 200.000đ; Nông Văn B được mua với P 01 lần với giá 400.000đ và mua với M qua lỗ gạch 02 lần, mỗi lần 400.000đ; Nông Văn V được mua với P 01 lần với giá 100.000đ; Nông Đình C mua với P 01 lần với giá 200.000đ và nhiều lần khác qua lỗ gạch.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Đoàn Văn M có lấy tiền với P để mua và lắp thiết bị Camera có gắn với màn hình, 01 ắc quy, 01 chiếc chuông, 01 chiếc gương soi và 01 bóng điện ở trong phòng và vị trí góc nhà nơi các đối tượng đến mua ma túy. Mục đích lắp những đồ vật kể trên là để phục vụ cho việc bán ma túy. Hình thức giao dịch là những người đến mua ma túy gọi qua lỗ gạch, nói số tiền cần mua, M ở trong buồng nhận tiền và đưa ma túy tương ứng với số tiền đã nhận cho người mua đứng ở ngoài. Đoàn Văn M khai được bán ma túy cho rất nhiều người, nhưng vì không phải là người địa phương nên không biết những người mua. Quá trình sống ở nhà P, bị cáo có sử dụng ma túy đã nhiều lần. Thỉnh thoảng, P có nhìn thấy M sử dụng ma túy đã trong nhà nhưng không có ý kiến gì. Mục đích bán trái phép chất ma túy là để kiếm lời, P trả công cho M thông qua việc P đưa tiền xe cho M khi về quê và tiền mua ma túy đã sử dụng, ăn ở tại nhà P không mất tiền. Toàn bộ ma túy đã sử dụng bị cáo mua với những người không biết họ tên, địa chỉ khi về quê.

Đối với Nông Văn N khai nhận: Khoảng tháng 4 năm 2021, M quê ở tỉnh Bắc Kạn đến sinh sống tại nhà. Gia đình có bố trí cho M ngủ ở gian buồng phía bên trái ngôi nhà. N biết bố đẻ là Nông Văn P cùng với Đoàn Văn M bán trái phép chất ma túy tại nhà từ tháng 7 năm 2021 cho đến ngày bị bắt, loại ma túy M bán là Heroine. Vị trí M bán ma túy là ở trong buồng ngủ qua lỗ gạch được khoét trên tường. N khai có nhìn thấy B là người cùng xóm và anh T, trú tại xóm N, thị trấn Tr, huyện Trùng Khánh đến mua ma túy với M. N biết bố và M bán ma túy ngay tại nhà nhưng chưa đến cơ quan chức năng và chính quyền xóm, xã để trình báo và không có hành vi gì để ngăn cản.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ xác định được: Toàn bộ số ma túy thu giữ là của P mua về chia nhỏ sau đó trực tiếp hoặc đưa cho M bán. Hệ thống Camera có gắn với màn hình, 01 ắc quy cũng như bộ đàm kèm dây sạc khi được M đề xuất thì P cho tiền để M mua và lắp để phục vụ cho việc mua bán trái phép chất ma túy. Việc trao đổi lấy ma túy giữa P và M thông qua bộ đàm, các đối tượng nghiện đến gặp trực tiếp mua ma túy nên số điện thoại tạm giữ của P, M và N không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Số tiền 5.390.000đ tạm giữ của P là tiền mừng

đầy tháng của cháu không liên quan đến hành vi phạm tội. Các mảnh giấy bạc, mảnh nilon, lọ nhựa, tấm xốp, mảnh kim loại, kéo, chuông, dao, kiếm, bật lửa, gương soi... là công cụ phục vụ việc mua bán trái phép chất ma túy. 01 khóa số 8 M đặt trên mạng để móc cửa.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKSTK ngày 01/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn P về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự. Truy tố Đoàn Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Truy tố Nông Văn N về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Tất cả các bị cáo khai hành vi phạm tội của mình diễn ra đúng như Cáo trạng đã truy tố. Phúc khai chỉ nhớ được trực tiếp bán ma túy cho Nông Đình C và Nông Văn V, còn nhiều người khác bị cáo không nhớ. 02 điện thoại tạm giữ là của bị cáo dùng để liên lạc với gia đình, bạn bè, không liên quan đến việc mua bán trái phép ma túy, vì bị cáo chỉ bán trực tiếp cho người nghiện, còn khi đưa ma túy cho M thì thông qua bộ đàm; Số tiền tạm giữ là tiền mừng đầy tháng cháu của bị cáo. Ngoài ra những vật chứng, tài sản khác tạm giữ đều liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Đầu năm 2021 thì M có đến ở nhờ nhà bị cáo, khi đến ở thì bị cáo không biết M là người dùng ma túy, mục đích cho M ở nhờ là giúp gia đình trông nhà và trang trí nhà đang xây, khi ở được một thời gian thì bị cáo mới biết M nghiện ma túy. Vì vậy bị cáo có đề xuất nhờ M bán giúp ma túy và được M đồng ý. Trong thời gian sống ở nhà thì bị cáo có chứng kiến M sử dụng ma túy đá tại nhà 03 lần nhưng không có ý kiến. M khai, khi sống ở nhà P được bán ma túy giúp nhiều lần, mỗi ngày bị cáo được bán cho khoảng 15 - 40 con nghiện thông qua lỗ gạch phòng ngủ. Trước khi đến ở bị cáo không nói cho P biết là bị cáo nghiện, ở nhờ được một thời gian thì ông P mới biết bị cáo sử dụng ma túy. Trong thời gian sống nhờ nhà P thì bị cáo sử dụng ma túy đá nhiều lần và P cũng biết nhưng không có ý kiến. Để theo dõi những người đến mua ma túy, bị cáo đề xuất và được P cho tiền để mua lắp hệ thống Camera, bộ đàm liên lạc mua bán ma túy. Tất cả điện thoại thu giữ là của bị cáo dùng để liên lạc gia đình, nghe nhạc và xem phim, không liên quan đến việc mua bán ma túy, vì khi lấy ma túy với P, bị cáo thông qua bộ đàm, còn khi bán thì bán trực tiếp qua lỗ gạch phòng ngủ. Còn tất cả vật chứng tài sản khác khi thu giữ đều liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo N khai, trong quá trình sống ở nhà có biết việc bố cùng anh M bán ma túy trái phép tại nhà nhưng bị cáo không báo chính quyền địa phương và cũng không có hành động gì để ngăn cản. 03 điện thoại thu giữ của bị cáo dùng để liên lạc gia đình và nghe nhạc xem phim không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 256; Điều 38, 55, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn P. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38, 58; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối

với Đoàn Văn M. Áp dụng khoản 1 Điều 390, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn N. Xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 02 đến 03 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho hai tội từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù. Xử phạt Đoàn Văn M từ 07 đến 08 năm tù. Xử phạt Nông Văn N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bị cáo Nông Văn P từ 10 đến 20 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số heroine thu giữ và mẫu vật hoàn lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo P 02 điện thoại và số tiền 5.390.000đ, trả cho bị cáo M 04 điện thoại và bị cáo N 03 điện thoại, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 08 mắt Camera, 01 màn hình, 01 bóng đèn và 01 ắc quy. Tịch thu tiêu hủy các bộ đàm, mảnh giấy bạc, mảnh nylon, giấy vở học sinh, cân điện tử, lọ nhựa, dao lam, kéo, dao, mảnh kim loại, kiếm, tấm xốp, 01 khóa số 8 là công cụ phương tiện phạm tội và vật không có giá trị. Truy thu bị cáo P số tiền bán ma túy do thu lợi bất chính mà có để sung công quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo mỗi người chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo cho rằng, Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 07 tháng 12 năm 2021, tổ công tác Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an thị trấn Trà Lĩnh và Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh làm nhiệm vụ tại xóm Vĩnh Quang, thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang Nông Văn P và Đoàn Văn M đang tàng trữ trái phép 1,26g ma túy, loại Heroine. Mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Bên cạnh đó còn thu giữ một số vật chứng liên quan như: Giấy bạc, giấy nylon, giấy vở học sinh, hệ thống camera, bộ đàm...để phục vụ cho việc mua bán trái phép chất ma túy. Trước khi bị bắt thì các bị cáo đã bán ma túy rất nhiều lần cho rất nhiều người nghiện. Cụ thể: P chỉ nhớ được trực tiếp bán ma túy cho Nông Đình C và Nông Văn V, còn nhiều người khác bị cáo không nhớ họ tên và địa chỉ. Số ma túy còn lại P chia thành gói rời cho Đoàn

Văn M bán giúp mỗi ngày từ 15 - 40 gói, mỗi gói từ 200.000đ - 500.000đ tại nhà của P. Đối với Đoàn Văn M, trong thời gian sống tại nhà P được bán ma túy giúp P mỗi ngày từ 15 - 40 gói, hình thức giao dịch là thông qua lỗ gạch phòng nhà P. Khi con nghiện đưa tiền thì M đưa ma túy tương ứng với số tiền họ đưa. Bị cáo được bán ma túy cho rất nhiều người nhưng do bị cáo không phải người địa phương và bán qua lỗ gạch nên không biết những người mua là ai.

Lời khai Nông Văn P khai nhận được mua ma túy qua lỗ gạch 04 lần, mỗi lần 200.000đ; Lâm Văn T được mua ma túy qua lỗ gạch nhiều lần, mỗi lần 200.000đ nhưng chỉ nhớ lần gần nhất đầu tháng 12/2021 với giá 200.000đ; Nông Văn B được mua với P 01 lần với giá 400.000đ và mua với M qua lỗ gạch 02 lần, mỗi lần 400.000đ; Nông Văn V được mua với P 01 lần với giá 100.000đ; Nông Đình C mua với P 01 lần với giá 200.000đ và nhiều lần khác qua lỗ gạch là phù hợp với lời khai của các bị cáo P và M.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, tiếp tay cho tệ nạn mua bán trái phép ma túy ngày càng gia tăng hiện nay, gây mất trật tự trị an tại địa phương và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, gây tác hại cho sức khỏe người nghiện, ảnh hưởng xấu đến gia đình và xã hội, nhưng vì lợi nhuận nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, số lần, số tiền mua bán ma túy, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Các bị cáo bán ma túy nhiều lần, nên bị coi là phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nông Văn P và Đoàn Văn M có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra, hành vi cho phép bị cáo M sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà, là địa điểm thuộc quyền quản lý của bị cáo P đã cấu thành thêm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Nếu P biết M là người nghiện ma túy và nhất trí cho M ở và sử dụng ma túy tại nhà của mình thì hành vi của bị cáo sẽ cấu thành tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, ở đây khi cho M ở nhờ thì bị cáo không biết M là người nghiện, không cho ở nhờ để sử dụng ma túy trái phép. Trong khi cấu thành cơ bản của tội này là người cho thuê, mượn phải biết người thuê, mượn là người sử dụng ma túy và nhất trí cho họ thuê, mượn để sử dụng ma túy tại địa điểm thuộc quyền quản lý của mình. Do đó, hành vi của bị cáo P không cấu thành tội phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi này vẫn là hành vi phạm tội, đối chiếu với mục 7.2. Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 thì "*Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*" là trường hợp người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác

(không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho họ thuê, mượn địa điểm, nhưng lại để mặc cho họ hai lần sử dụng trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy. Trong vụ án này mặc dù P không cho M ở nhờ để sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi quản lý của mình, nhưng khi phát hiện thì P cũng không có ý kiến, để mặc cho M sử dụng ma túy trái phép ít nhất 03 lần trở lên ở trong nhà của mình. Vì vậy hành vi này đã cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự theo hướng có lợi cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với bị cáo N: Bị cáo biết bị cáo P và M có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng không tố giác, trình báo đến cơ quan có thẩm quyền, cũng không có hành vi ngăn cản các bị cáo dừng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phó mặc cho việc mua bán trái phép chất ma túy ngày càng gia tăng hiện nay, gây khó khăn trong việc phát hiện, ngăn ngừa, xử lý hành vi phạm tội. Đây là hành vi vi phạm trách nhiệm bắt buộc của công dân trong phòng ngừa và đấu tranh đối với tội phạm hiện nay. Khi thực hiện hành vi không tố giác thì bị cáo N đã đủ tuổi và năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Bộ luật hình sự. Do đó đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả ba bị cáo. Ngoài ra, bị cáo P và N sinh sống ở thôn, xóm thuộc xã đặc biệt khó khăn, bị cáo N có vợ hiện đang mang thai 18 tuần tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo P và M là người sử dụng ma túy, ngoài ra P đã từng bị xét xử về hai tội khác nhau, nhưng không chịu lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, nên bị cáo P và M là người có nhân thân xấu. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Trong quá trình phạm tội các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Nông Văn P là người trực tiếp bỏ tiền mua ma túy và đề xuất M bán giúp nên phải chịu hình phạt cao hơn M trong tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

Đối với Nông Văn N: Chưa có tiền án, tiền sự, trước lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nên là người có nhân thân tốt. Việc không tố giác tội phạm cũng chỉ nhằm mục đích muốn bố của mình không phải bị xử lý vi phạm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không nhất thiết phải cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta. Việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

[4]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Số Heroine thu giữ và mẫu vật hoàn lại là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. 02 điện thoại của bị cáo P, 04 điện thoại của bị cáo M và 03 điện thoại của bị cáo N do không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo. Số tiền 5.390.000đ tạm giữ của bị cáo P cũng không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo. 08 mắt Camera, 01 ổ cứng, 01 bóng đèn và 01 màn hình có gắn kèm dây kết nối qua kiểm tra của Cơ quan điều tra vẫn còn hoạt động tốt nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Các bộ đàm, 01 khóa số 8 qua kiểm tra đã không còn hoạt động được, các mảnh giấy, mảnh nilon, kéo, lọ nhựa, dao, kiếm, chuông, miếng xốp, bật lửa, cuộn giấy bạc, gương soi... là công cụ phương tiện phạm tội hoặc không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P mua bán ma túy trái phép rất nhiều lần trong ngày, thu lợi bất chính số tiền lớn nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ. Đối với bị cáo M chỉ là người bán giúp, sau đó toàn bộ tiền đưa lại cho P. Ngoài ra gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với M là có căn cứ.

[6]. Về truy thu số tiền thu lợi bất chính: Toàn bộ tiền bán ma túy M đã đưa hết cho P nên không đặt vấn đề truy thu đối với M. Đối với bị cáo P, Cơ quan điều tra đã làm rõ được số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000đ nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Nông Văn P khai mua với Trần Việt H, sinh năm 197x, trú tại tổ dân phố x, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định H không có mặt tại địa phương, không xác định được hiện nay H đang ở đâu. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tách hành vi của Trần Việt H để điều tra riêng trong một vụ án khác là đúng theo quy định.

[8]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; Khoản 1 Điều 256; Điều 38, 55, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn P.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38, 58; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đoàn Văn M.

Áp dụng khoản 1 Điều 390, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn N. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Đoàn Văn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nông Văn N phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt Nông Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho hai tội buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 07/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 07/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn N 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 24/8/2022.

Giao bị cáo Nông Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nông Văn P số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước.

4. Về truy thu tiền thu lợi bất chính: Truy thu bị cáo Nông Văn P số tiền 2.500.000đ để sung quỹ Nhà nước.

5. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Vật chứng (04 mảnh giấy lịch, 04 mảnh giấy vở học sinh, 02 mảnh túi nilon màu đỏ, 04 mảnh túi nilon màu xanh, 02

mảnh giấy bạc và chất bột màu trắng) vụ mua bán trái phép chất ma túy ngày 07/12/2021”;

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Vật chứng (02 mảnh giấy lịch, 02 mảnh giấy vở học sinh, 02 mảnh túi nilon màu hồng, 02 mảnh túi nilon màu xanh và chất bột màu trắng) vụ mua bán trái phép chất ma túy ngày 07/12/2021”;

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Mẫu số 1 hoàn mẫu sau giám định vụ Nông Văn P và Đoàn Văn M”

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Mảnh kim loại, mảnh giấy thu giữ ngày 07/12/2021”.

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Các mảnh nilon, giấy trắng thu giữ ngày 07/12/2021”.

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Vật chứng (bộ đàm và chân sạc, kéo, dao lam, cân điện tử, lọ nhựa tự chế, bật lửa, còng số 8, xốp nhựa và chuông kim loại) thu giữ tại chỗ ở Nông Văn P ngày 07/12/2021”.

+ 01 cuộn giấy bạc màu trắng đã qua sử dụng và 01 chiếc gương soi khung bằng gỗ hình chữ nhật.

+ 01 kiếm bằng kim loại, tra cán bằng nhựa, lưỡi kiếm dài 0,66 mét và 01 dao nhọn, lưỡi dao dài 0,24 mét được hàn nối liền bằng ống kim loại dài 1,59 mét.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước gồm: 08 mắt camera, 01 màn hình màu đen, 01 bóng điện và 01 ắc quy màu đen trắng có chữ “dongnai”.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn P 02 điện thoại di động tạm giữ ngày 07/12/2021 và số tiền 5.390.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn M 04 điện thoại di động tạm giữ ngày 07/12/2021.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn N 03 điện thoại di động tạm giữ ngày 07/12/2021.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nông Văn P, Đoàn Văn M và Nông Văn N mỗi người phải chịu 200.000đ, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thanh Mai, thị trấn Trà Lĩnh (*bằng TB*);
- UBND thị trấn Trà Lĩnh;
- Bị cáo;
- Lưu.

Nông Văn Tùng